

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2572/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 13 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn (Nâng công suất từ 11.000 m³/năm lên 14.000 m³/năm) của Công ty TNHH Thương mại Du lịch Bá Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1260/STNMT-CCBVMT ngày 27/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn (Nâng công suất từ 11.000 m³/năm lên 14.000 m³/năm) của Công ty TNHH Thương mại Du lịch Bá Ngọc;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn (Nâng công suất từ 11.000 m³/năm lên 14.000 m³/năm) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 07/CV-BN ngày 06/7/2023 của Công ty TNHH Thương mại Du lịch Bá Ngọc;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 817/TTr-STNMT ngày 10/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (Nâng công suất từ 11.000 m³/năm lên 14.000 m³/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thương mại Du lịch Bá Ngọc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

th

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



th
Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI SÔNG KÔN, XÃ TÂY XUÂN, HUYỆN TÂY SƠN
(NÂNG CÔNG SUẤT TỪ 11.000 M³/NĂM LÊN 14.000 M³/NĂM)
CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU LỊCH BÁ NGỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn (Nâng công suất từ 11.000 m³/năm lên 14.000 m³/năm).

- Địa điểm thực hiện: tại sông Kôn, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại Du lịch Bá Ngọc.

- Địa chỉ liên hệ: thôn Phú An, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0933.733.599 (Bà Nguyễn Thị Ký, Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 3 ha.

- Thời gian khai thác: 02 năm, đến ngày 31/10/2024 (ngày hoàn thành công trình đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).

- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác là trữ lượng cát còn lại sau khi khấu trừ khối lượng đã khai thác (theo Tờ khai thuế tài nguyên tính đến tháng 3/2023) theo Giấy phép số 149/GP-UBND ngày 22/11/2022 là 24.459 m³ cát địa chất làm vật liệu xây dựng thông thường. Theo đó, trữ lượng huy động vào khai thác sau khi để lại bờ mỏ để đảm bảo an toàn là 24.165 m³ cát địa chất (tương ứng 27.186 m³ cát nguyên khai với hệ số nở rời là 1,125). Công suất, thời gian khai thác như sau:

+ Năm thứ nhất: 10.165 m³ cát địa chất.

+ Năm thứ 2: 14.000 m³ cát địa chất.

1.3. Trình tự, phương pháp khai thác:

- Phương pháp khai thác: Mở vĩa khai thác từ phía Đông Bắc dự án (tại điểm góc số 3), khai thác theo lớp bằng, chiều sâu khai thác trung bình 0,7m - 0,93m, cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn + 14,00m. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác

theo dải, từ dòng chảy vào bờ. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa cát tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 12 tấn đến nơi thi công công trình Cát Tiến - Diêm Vân.

- Công nghệ sàng cát: cát lẫn cuội, sỏi được xúc bốc lên ô tô → vận chuyển về khu vực sàng tại sân công nghiệp → sản phẩm cát.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực sân công nghiệp diện tích khoảng 10.500 m² (nằm ngoài ranh giới mỏ, thuộc xã Tây Xuân): bố trí nhà công nhân, nhà vệ sinh di động, camera, máy sàng cát.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 500 m² để thực hiện lưu chứa cát và rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển đi tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm ngoài khu vực mỏ) với diện tích khoảng 1.190 m² để thực hiện lưu chứa cát qua sàng và cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ:

+ Tuyến đường bê tông hiện trạng nối từ đường Quốc lộ 19 đến tuyến đường đất hiện trạng có kích thước: dài 600 m x rộng 5 m.

+ Tuyến đường đất hiện trạng nối từ tuyến đường bê tông hiện trạng đến tuyến đường qua nhánh sông có kích thước: dài 240 m x rộng 4 m.

+ Tuyến đường đất qua nhánh sông hiện trạng nối từ tuyến đường đất hiện trạng đến ranh giới mỏ có kích thước dài 135 m x rộng 4 m (Công ty đã bố trí 6 cống, gồm: 4 cống BTCT D1.200, chiều dài 2,5 m và 2 cống BTCT D1.500, chiều dài 2,5 m) để đảm bảo thoát nước, dẫn nước về trạm bơm Phú Gia ở hạ lưu và vận chuyển cát. Sau khi kết thúc khai thác, công ty tiến hành tháo dỡ để đảm bảo lưu thông dòng chảy.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Tuyến đường nội bộ, tuyến đường bắt ngang qua nhánh sông đến ranh giới mỏ và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, kè ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,448 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác cát, sàng cát và vận chuyển cát đến các công trình.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5,6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải rắn sản xuất (đá cuội sỏi) phát sinh trong quá trình sàng cát khoảng 2.447 m³ trong suốt thời gian khai thác.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:

- + Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

- + Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: hoạt động khai thác cát gây nguy cơ sạt lở bờ, hụt nước cấp cho Trạm bơm Phú Gia ở hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát (đoạn đường bê tông hiện trạng): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi lưu chứa cát tạm: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

- Lượng đá cuội phát sinh trong quá trình sàng cát sẽ sử dụng san gạt mặt bằng tại chỗ trong khu vực sân công nghiệp, không đổ lại ra sông gây bồi lấp cản dòng chảy, không vận chuyển ra bên ngoài phạm vi dự án. Trường hợp vận chuyển cuội sỏi ra khỏi phạm vi dự án, Công ty cam kết thực hiện các quy định về khoáng sản theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Bố trí 6 cống (gồm: 4 cống BTCT D1.200, chiều dài 2,5 m và 2 cống BTCT D1.500, chiều dài 2,5 m) dưới tuyến đường đất qua nhánh sông hiện trạng đến ranh giới mỏ, đảm bảo thoát nước, dẫn nước về trạm bơm Phú Gia.

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực mỏ				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	4,0	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	1.208	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Sau khi kết thúc khai thác
3.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	3,0	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
II	Khu vực ngoài mỏ				

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn có rơi vãi cát qua khu ruộng lúa)	m ³	150	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Tháo dỡ nhà công nhân, nhà vệ sinh di động	m ²	40	Trả lại hiện trạng ban đầu	Định kì khi có cát vương vãi và sau khi thúc khai thác mỏ.
3.	Tháo dỡ đường giao thông có cống ngầm vào năm khai thác cuối	m ³	778	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
4	Tháo dỡ ống cống bê tông	Cấu kiện	20,8	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
5	Tháo dỡ trạm sàng	m ³	1,02	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
6	San gạt mặt bằng khu vực sân công nghiệp	m ³	1.050	Không tạo hố lồi lõm	Sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **213.006.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng).

- Theo Giấy xác nhận số 97/GXN-QBVMТ ngày 12/4/2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số tiền Công ty đã nộp ký quỹ cho dự án đến năm 2023 là 178.962.001 đồng.

- Số tiền ký quỹ công ty phải nộp (sau khi khấu trừ số tiền đã nộp), cụ thể như sau: 213.006.000 - 178.962.001 = 34.043.999 đồng. Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Số lần ký quỹ: 01 lần với số tiền là **34.043.999** đồng, thời điểm ký quỹ vào năm 2024.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác Công ty thực hiện tháo dỡ đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con, gây hiện tượng thiếu nước đưa về trạm bơm Phú Gia, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Giám sát nước mặt khu vực hạ lưu của mỏ khai thác (tọa độ: 1.537.991; 575.130) với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ. So sánh với cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; tần suất giám sát 06 tháng/lần.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.